

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24 /2017/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 20 tháng 9 năm 2017

NGÀY BẾN: 04-10-2017
SỐ CV BẾN: 94006

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

QUYẾT ĐỊNH
SỐ: 24/2017/QĐ-UBND
4 tháng 10 năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (Chi tiết như Phụ lục kèm theo).

Các mức giá thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại Phụ lục kèm theo Quyết định này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (thuế VAT).

Điều 2. Đối tượng thu, nộp giá dịch vụ

- Đối tượng thực hiện thu: UBND các huyện, thành phố tổ chức bộ máy để phục vụ công tác thu giá dịch vụ hoặc ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đơn vị được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt được thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

- Đối tượng nộp: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và nước ngoài đang hoạt động, cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng có rác thải ra môi trường đều phải thực hiện nộp tiền thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải theo mức giá quy định trên.

Việc thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt được thực hiện thu theo tháng.

Điều 3. Quản lý dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

- Tổ chức thực hiện thu: Đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tự tổ chức thu trong phạm vi cung ứng dịch vụ của mình. Số thu dịch vụ được tính vào doanh thu của đơn vị, thực hiện hạch toán kế toán và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thanh toán kinh phí giữa đơn vị đảm bảo nguồn kinh phí chi trả dịch vụ vệ sinh môi trường với đơn vị cung cấp dịch vụ.

Căn cứ số tiền phải thu dịch vụ mà đơn vị cung ứng dịch vụ phải thu trong năm (theo số đối tượng phải nộp thực tế) với kinh phí thực tế phải trả (khối lượng công việc nghiệm thu thực tế và đơn giá) theo hợp đồng giữa đơn vị đảm bảo nguồn chi trả với đơn vị cung ứng dịch vụ, các bên thanh toán bù trừ vào phần ngân sách phải thanh toán theo quy định.

- Đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt phải đăng ký với cơ quan Thuế mua hoặc in phát hành chứng từ thu theo quy định để cấp cho người nộp tiền.

- UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra việc thu tiền dịch vụ rác thải sinh hoạt của các cơ quan, đơn vị, tổ chức được ủy quyền thu.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh và cơ quan liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

2. Cục Thuế tỉnh phối hợp với UBND các huyện, thành phố thường xuyên kiểm tra, rà soát việc chấp hành các quy định của pháp luật về thuế; hướng dẫn các đơn vị thực hiện kê khai nộp thuế, quyết toán thuế đối với doanh thu thu được theo quy định của Luật Quản lý thuế hiện hành.

3. UBND các huyện, thành phố chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo địa bàn quản lý để kịp thời chấn chỉnh những sai phạm (nếu có) của tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển

rác thải sinh hoạt; Chỉ đạo các cơ quan đơn vị được giao tổ chức triển khai thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn.

4. Cơ quan, đơn vị được giao thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt có trách nhiệm:

- Thực hiện thông báo công khai về đối tượng thuộc diện phải chi trả dịch vụ, mức giá và các thủ tục nộp tiền dịch vụ theo quy định.

- Khi thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt phải cấp chứng từ thu cho đối tượng nộp tiền theo quy định và thu đúng theo mức giá đã thông báo.

- Nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng hợp đồng đã ký kết, chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo định kỳ theo tháng, quý, năm tình hình thực hiện thu giá dịch vụ về Sở Tài chính, Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

5. Tổ chức, cá nhân vi phạm trong lĩnh vực quản lý giá sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP. Thông tư số 31/2014/TT-BTC ngày 07/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ 01/10/2017.

Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 2638/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định tạm thời giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Môi trường Cao Bằng, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 6 (thực hiện);
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch; các PCT UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP: các PCVP, CV (XD, TH);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VP, TH(HT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh



PHỤ LỤC
GIÁ DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24 /2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Cao Bằng) ✓

STT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	Hộ gia đình, cá nhân không có hoạt động sản xuất, kinh doanh	đồng/khẩu/tháng	5.000	
2	Các hộ buôn bán nhỏ, kinh doanh tại nhà (hàng nước, bánh cuốn, may mặc, sửa chữa công cụ, dụng cụ cầm tay, cắt tóc, uốn sấy tóc...)	đồng/hộ/tháng	25.000	
3	Các cửa hàng tư nhân, sản xuất đồ gỗ, sản xuất cửa hoa sắt, đồ trang trí nội thất, hàng tạp hoá, sửa chữa đồ điện gia đình, nhà trọ tư nhân, sửa chữa xe máy, hiệu tóc ở ki ốt và các dịch vụ khác	đồng/quầy, ki ốt/tháng	50.000	
4	Các hàng ăn uống, giải khát, bán hàng đêm ở ki ốt (được phép kinh doanh từ 18h đến 23h30')	đồng/quầy, ki ốt/tháng	80.000	
5	Các cơ quan hành chính sự nghiệp, sự nghiệp có thu, lực lượng vũ trang, an ninh quốc phòng và các đơn vị có tính chất hành chính, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp	đồng/người/tháng	2.500	
6	Các cơ quan hành chính sự nghiệp, sự nghiệp có thu, lực lượng vũ trang, an ninh quốc phòng và các đơn vị có tính chất hành chính, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp (có kết hợp sản xuất kinh doanh, phục vụ ăn uống tại đơn vị)	đồng/m ³ rác	198.000	
7	Bệnh viện, trường học, nhà trẻ, nhà hàng, Nhà nghỉ, khách sạn, nhà máy, cơ sở sản xuất, kinh doanh (tính theo lượng rác thực tế)	đồng/m ³ rác	198.000	
8	Cơ sở sửa chữa ô tô	đồng/cơ sở/tháng	83.500	
9	Đối với các hàng kinh doanh tạm thời bên lề đường, hè phố để kinh doanh ăn uống, giải khát, buôn bán nhỏ lẻ			
9.1	Hàng cà phê	đồng/quầy, hàng/tháng	130.000	
9.2	Hàng cháo, phở	đồng/quầy, hàng/tháng	130.000	
9.3	Các mặt hàng khác	đồng/quầy, hàng/tháng	60.000	
9.4	Hàng quà	đồng/quầy, hàng/tháng	45.000	
10	Đối với các công trình xây dựng được phục vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt	đồng/m ³ rác	198.000 hoặc 13.000 đồng/m ²	
11	Đối với các công trình xây dựng để vật liệu trên vỉa hè được phục vụ thu gom, vận chuyển rác	đồng/m ³ rác	198.000 hoặc 13.000 đồng/m ²	(trong thời gian xây dựng)

(Mức giá thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trong bảng nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và các chi phí khác liên quan)

